TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢN BẠ** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 02 - 2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢN BẠ, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Đình Vĩ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Phong Thương

Ông Lệnh Xuân Chính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quản Bạ tham gia phiên toà: Ông Hồ Lỷ Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2021 về việc "ly hôn, tranh chấp tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Sân Si T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

Bị đơn: Bà Sân Thị V, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn C xã N, huyện Q tỉnh Hà Giang. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án và nội dung trình bày tại phiên tòa hôm nay. Ông Sân Si T là nguyên đơn trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Sân Thị V quen nhau, sau một thời gian tìm hiểu, đến năm 1995 được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Ngày 27/5/2002 vợ chồng đã đến Ủy ban nhân dân xã N đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 02 con (lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 1999). Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân bắt đầu từ

năm 2007 - 2008 do ông T quyết định đi làm thuê xa để kiếm thêm thu nhập cho gia đình. Do thường xuyên không có mặt ở nhà nên vợ chồng đã phát sinh và thường xuyên sảy ra mâu thuẫn. Năm 2009 bà Sần Thị Viên cũng bỏ nhà đi làm thuê tại tỉnh Bắc Ninh. Vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó. Đến năm 2013 ông chuyển khẩu về xã Quyết Tiến, huyện Q tỉnh Hà Giang và không liên lạc với bà V nữa. Hiện tại thấy tình cảm vợ chồng không có cuộc sống hạnh phúc, ông có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với bà Sân Thị V.

Tại phiên tòa hôm nay ông thấy mâu thuẫn đã kéo dài, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, ông giữ nguyên quan điểm của mình đề nghị được ly hôn với bà Sân Thị V.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Sân Đức L, SN: 04/4/1997 và cháu Sân Dù T, SN: 02/7/1999 hiện nay các cháu đã trên 18 tuổi nên ông T không đề nghị tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống hai vợ chồng có 01 ngôi nhà trình tường làm trên diện tích 500m^2 đất do bố mẹ bà Sân Thị V cho, chưa được cấp giấp chứng nhận quyền sử dụng đất. Trị giá ngôi nhà là 30.000.000^đ giao cho bà V sử dụng. Trong đơn khởi kiện ông yêu cầu bà V có trách nhiệm trả tiền chênh lệch về tài sản bằng ½ giá trị căn nhà cho ông T với số tiền là 15.000.000^đ. trong giai đoạn giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông Sân Si T đã rút yêu cầu chị Viên trả số tiền chênh lệch về tài sản và giao ngôi nhà cho bà V sử dụng.

Công nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà Sân Thị V trình bày ý kiến như sau:

Bà và ông Sân Si T quen nhau, sau một thời gian tìm hiểu, đến năm 1995 được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đến ngày 27/5/2002 đã đến Ủy ban nhân dân xã N đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 02 con. Đến năm 2005 bà cho ông T đi ra ngoài kiếm tiền về sinh hoạt gia đình hai vợ chồng cũng không có mâu thuẫn gì vẫn sống hạnh phúc. Đến năm 2015 anh Thắng không về nhà, không cho tiền sinh hoạt gia đình, bà tự chăm sóc 02 đứa con ăn học. Vợ chồng bà ly thân từ đó đến nay. Tại phiên tòa bà mong muốn ông T quay về. Để giữ uy tín cho con nên bà không đồng ý ly hôn với ông Sân Si T.

Về con chung: Bà xác nhận vợ chồng có 02 con chung như ông T đã trình bày, hiện nay các cháu đã trên 18 tuổi nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Trong thời gian chung sống hai vợ chồng có 01 ngôi nhà trình tường làm trên diện tích 500m^2 đất do bố mẹ bà V cho, chưa được cấp giấp chứng nhận quyền sử dụng đất. Trị giá ngôi nhà là 30.000.000^đ. Ngôi nhà này bà V để lại cho các con sau này sử dụng.

Tại phiên tòa ông Sân Si T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn do vợ chồng ly thân đã lâu, từ năm 2013 đã không còn liên lạc với nhau nữa. và về tài sản chung là ngôi nhà trị giá 30.000.000^{đ} giao cho bà V quản lý sau này để lại cho các con sử dụng.

Hội đồng xét xử tiến hành hòa giải bà V nhất trí quay về đoàn tụ, ông Sân Si T không nhất chí quay về đoàn tụ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quản Bạ có ý kiến về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án: Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật đang tranh chấp, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị xử cho ông Sân Si T được ly hôn với bà Sân Thị V.

Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận việc ông T rút phần yêu cầu chia tài sản chung và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản chung.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Sân Si T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quản Bạ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Sân Si T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Sân Thị V đều có nơi cư trú tại huyện Quản Bạ. Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa ông Sân Si T và bà Sân Thị V là hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 27/5/2002 tại UBND xã N, huyện Q, tỉnh Hà Giang trên cơ sở tự nguyện và đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Khi kết hôn vợ chồng có thời gian chung sống tại thôn C, xã N, huyện Q tỉnh Hà Giang. Sau khi sinh con gia đình gặp nhiều khó khăn, thiếu đất sản xuất, lao động nông nghiệp thu nhập bấp bênh, phụ thuộc vào thiên nhiên. Năm 2007 - 2008 ông T quyết định theo anh em đi làm thuê xa, từ đó xảy ra mâu thuẫn thường xuyên giữa hai vợ chồng. Đến năm 2009 vợ chồng không tìm được tiếng

nói chung ông T đi làm ở Hà Giang còn bà V cũng bỏ nhà đi lao động ở bộ phận làm lốp thuộc công ty TNHH Asean Tire, khu công nghiệp Tiên Sơn, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng: Vợ chồng ông bà đã không tìm được tiếng nói chung, thời gian ly thân đã lâu, chị Sân Thị V mong muốn gia đình về đoàn tụ nhưng không tìm được giải pháp để gia đình được đoàn tụ, lý do bà V không đồng ý ly hôn với ông T là vì sợ ảnh hưởng đến các con. Mâu thuẫn giữa ông T và bà V đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của ông Sân Si T phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông Sân Si T và bà Sân Thị V cùng xác định có 02 con chung là cháu Sân Đức L, SN: 04/4/1997 và cháu Sân Dù T, SN: 02/7/1999 hiện nay các cháu đã trên 18 tuổi, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Trong thời gian chung sống hai vợ chồng có 01 ngôi nhà trình tường làm trên diện tích 500m^2 đất do bố mẹ bà Sân Thị V cho, chưa được cấp giấp chứng nhận quyền sử dụng đất. Trị giá ngôi nhà là 30.000.000^đ. Tại đơn khởi kiện ngày 27/9/2021 ông T có yêu cầu giao toàn quyền sử hữu căn nhà chi chị Viên quản lý và sử dụng, bà V có trách nhiệm trả tiền chênh lệch về tài sản bằng ½ giá trị căn nhà cho ông T với số tiền là 15.000.000^đ. trong giai đoạn giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông Sân Si T đã rút yêu cầu bà V trả số tiền chênh lệch về tài sản và giao cho bà V sử dụng. không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp tài sản chung.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Ông Sân Si T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 244, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ông Sân Si T được ly hôn với bà Sân Thị V.

2. Về con chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

3.Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp tài sản chung.

4. Công nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Ông Sân Si T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quản Bạ theo biên lai số 51BB-21P0004501 ngày 05/10/2021. Xác nhận ông T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án , quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HG;
- VKSND H.Quản Bạ (2);
- UBND xã Nghĩa Thuận;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H.Quản Bạ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Đình Vĩ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HG;
- VKSND H.Quản Bạ (2);
- UBND xã Nghĩa Thuận;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H.Quản Bạ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Danh Nhân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Viên Thị Mai Lan **Vũ Thị Quyên** **Cao Danh Nhân**